

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM THỦY
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 10/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 20/3/2025

V/v: *Tranh chấp Ly hôn và nuôi
con chung*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM THỦY, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trịnh Thị Khanh; bà Nguyễn Thị Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Yên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy: Ông Nguyễn Việt Hùng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 3 năm 2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2025/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 02 năm 2025, về tranh chấp “*Ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Thế L năm 1990; địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị Phạm Thị D năm: 1992; hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa

Nơi ở hiện tại: B, khu phố B, Phường T, TP T, tỉnh Bình Dương Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/02/2025, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lê Thế L1 trình bày:

Anh và chị Phạm Thị D1 kết hôn với nhau năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 18/01/2017. Hai bên lấy nhau là hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng nhau đi làm ăn xa được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn vợ

chồng ngày càng trầm trọng và kéo dài, nên cả hai đã ly thân nhau từ lâu. Nay xét thấy tình cảm không còn nên anh đề nghị được ly hôn chị Phạm Thị D1.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lê Thị Thu G, sinh ngày 08/9/2017. Cháu G hiện nay đang ở cùng chị D11 ông bà ngoại tại thôn N, xã C, huyện C. Do đó, anh đồng ý giao con chung cho chị D2 tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Phạm Thị D1, tại bản tự khai ngày 20/02/2025 và Biên bản lấy lời khai ngày 03/3/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, chị D trình bày: Chị và anh Lê Thế L1 được tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau vào ngày 18/01/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng đi làm ăn xa tại tỉnh Bình Dương được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên mâu thuẫn về vấn đề kinh tế của gia đình, mặc dù đã nhiều lần gia đình hai bên hàn gắn nhưng không thành. Vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 05/2017 cho đến nay. Nay anh L2 cầu ly hôn chị đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lê Thị Thu G, sinh ngày 08/9/2017. Cháu G hiện nay đang ở cùng chị và ông bà ngoại. Do phải đi làm ăn xa nên chị gửi cháu G1 ông bà ngoại nuôi dưỡng, hàng tháng chị có gửi tiền về cho ông bà ngoại, thường xuyên gọi điện hỏi thăm, các ngày lễ được nghỉ thì chị về thăm cháu. Nay ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu G. Yêu cầu anh Gcấp D3 nuôi con chung mỗi tháng là 1.500.000đ cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ngày 13/3/2025 chị D13 đơn xin rút phần yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo Biên bản xác minh ngày 19/02/2025, bà Phạm Thị T là mẹ đẻ chị D4 cấp thông tin như sau: Anh L3 chị D5 vợ chồng, kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã C ngày 18/01/2017. Sau khi kết hôn chị D11 anh L4 nhau đi làm ăn tại tỉnh Bình Dương. Thời gian vợ chồng chị D6 làm có phát sinh mâu thuẫn như thế nào thì bà không rõ. Khi anh L5 đơn ly hôn bà mới biết là vợ chồng mâu thuẫn với nhau. Bà đã thông tin cho chị D7 về việc Tòa án triệu tập đến giải quyết việc ly hôn. Chị D13 trao đổi là đồng ý ly hôn, nhưng do công việc bận nên không về Tòa án Cẩm Thủy giải quyết vụ án được. Về con chung: Cháu Lê Thị Thu G2 con chung của anh L3 chị DDo chị D6 làm ăn xa nên có gửi cháu G3 nhà cho bà chăm sóc, hàng tháng chị D8 gửi tiền về nuôi cháu G4 thường xuyên gọi điện hỏi thăm con, các ngày nghỉ lễ chị D9 về thăm con. Nay bà cũng có nguyện vọng giao cháu G1 chị D10 dưỡng, bà sẽ có trách nhiệm chăm sóc cháu G5 đảo trong thời gian chị D6 làm ăn.

Tại Biên bản xác minh ngày 19/02/2025 với chính quyền địa phương thể hiện: Chị Phạm Thị D11 anh Lê Thế L1 vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C ngày 18/01/2017. Hiện chị D13 hộ khẩu thường trú tại: Thôn N, xã C, C, Thanh Hóa. Về mâu thuẫn vợ chồng anh L3 chị D12 quyền địa

phương không nắm được do anh chị không đề nghị hòa giải ở cơ sở. Về con chung: Chị D11 anh L6 01 con chung là cháu Lê Thị Thu G6 ngày 08/9/2017. Hiện cháu G7 ở cùng chị D11 ông bà Ngoại tại thôn N, xã C

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228; Điều 238; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 NQ 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị xử cho anh L được ly hôn chị D; Về con chung: Đề nghị giao cháu Lê Thị Thu G, sinh ngày 08/9/2017 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; Về án phí: Anh L phải chịu án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; căn cứ vào các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền: Bị đơn chị Phạm Thị D13 hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy quy định tại điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Về thủ tục xét xử vắng mặt: Anh Lê Thế L1, chị Phạm Thị D1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh Lchị D14.

[4]. Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Anh Lê Thế L1 và chị Phạm Thị Dkết H trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình. Trong quá trình chung sống giữa anh L3 chị D phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân nhau từ tháng 05/2017. Anh L làm đơn đề nghị giải quyết ly hôn, chị D đồng ý, tuy nhiên do chị đang đi làm ăn xa không về Tòa án để tham gia phiên họp, phiên hòa giải tại Tòa án được, đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt chị. Do đó, cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Lê Thế L1.

[5]. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung cháu Lê Thị Thu G, sinh ngày 08/9/2017. Chị D có nguyện vọng nuôi con, anh L đồng ý giao con cho chị D nuôi dưỡng, cháu G cũng có nguyện vọng ở với mẹ. Do đó, nên giao cháu G

cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị D không yêu cầu giải quyết phần cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[6]. Về tài sản, công nợ chung: Anh L và chị D15 yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[7] Về án phí: Anh L phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; Điều 238; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 NQ 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Lê Thế L1 được ly hôn chị Phạm Thị D1.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Thị Thu G, sinh ngày 08/9/2017 cho chị Phạm Thị D1 trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ tuổi thành niên.

Anh L có quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, các bên có quyền khởi kiện về việc cấp dưỡng và thay đổi người trực tiếp nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Anh Lê Thế L1 phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số BLTU/24/0000801, ngày 03/02/2025, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Thủy. Anh L không phải nộp nữa.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Lê Thế L1; chị Phạm Thị D1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Cẩm Thủy;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Thủy;
- UBND xã Cẩm Liên;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Vũ Thị Dung

